TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H3 phúc**

Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày 23/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Bùi Quang Bưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim H3, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2023/TLST-HS ngày 29/11/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 08/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Ngọc T sinh năm 1984; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú thôn 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay số nhà 28, ngách 1, ngõ 129, đường 1, phố 1, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề ngH4Thiếu tá, Trưởng Công an xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo quyết định số 443/QĐ-CAT-PX01 ngày 18/4/2023 của Giám đốc Công an tỉnh Ninh Bình); Đảng, đoàn thể: Đảng viên - Bí thư Chi bộ Công an xã A (đã bị khai trừ theo quyết định số 1745-QĐ/HU ngày 28/4/2023 của Huyện ủy Y, tỉnh Ninh Bình); trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịnh: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Lưu Thị D; vợ Nguyễn Thị Bích N và có 02 con. Tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Trần Mạnh C sinh năm 1986; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú phố 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Đại úy, Phó Trưởng Công an xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo quyết định số 444/QĐ-CAT-PX01 ngày 18/4/2023 của Giám đốc Công an tỉnh Ninh Bình); Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị khai trừ theo quyết định số 69-QĐ/UBKTHU ngày 27/4/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Y, tỉnh Ninh Bình); trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịnh: Việt Nam; con ông Trần Xuân N và bà Nguyễn Thị Đ; vợ Lê Thị T và có 02 con. Tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

3. Phan Thanh T1 sinh năm 1991; tại tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú thôn 1, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay số nhà 17, ngõ 179, đường 1,

thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Thượng úy, Công an viên xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo quyết định số 445/QĐ-CAT-PX01 ngày 18/4/2023 của Giám đốc Công an tỉnh Ninh Bình); Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị khai trừ theo quyết định số 70-QĐ/UBKTHU ngày 27/4/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Y, tỉnh Ninh Bình); trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịnh: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ Đoàn Thị Vân T và có 02 con. Tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Đinh Thị H sinh năm 1988; địa chỉ thôn Bùi, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Chị Đinh Thị H1 sinh năm 1984; địa chỉ thôn Bùi, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Anh Hoàng Năng H2 sinh năm 1983; địa chỉ thôn Bùi, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Tạ Duy H3 sinh năm 1983; địa chỉ thôn Phú Trung, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Đinh Hữu H4sinh năm 1982; địa chỉ thôn Phú Hạ, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Bùi Xuân H5 sinh năm 1982; địa chỉ thôn Đường 10, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Đoàn Doanh H6 sinh năm 1974; địa chỉ thôn Bùi, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Đinh Văn H7 sinh năm 1986; địa chỉ thôn Phú Hạ, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bà Đinh Thị H8 sinh năm 1963; địa chỉ thôn Phú Trung, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H5 sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 ngày 22/02/2023 tổ công tác của Công an xã A gồm C là Phó Trưởng Công an xã A và T1 là Công an viên xã A đi tuần tra an ninh trật tự; khi đi đến khu vực thôn Bùi, xã A thấy nhà H2 đóng cửa, đèn trong nhà bật sáng và có nhiều xe máy, nên nghi vấn có các đối tượng đánh bạc. C gọi điện báo cáo với T là Trưởng Công an xã A và được T chỉ đạo quay về trụ sở chờ T đến. Khoảng 23 giờ cùng ngày T đến trụ sở Công an xã A rồi cùng với C và T1 đi đến nhà H2. Khi đi đến trước cửa nhà H2 thấy một số đối tượng đang lấy xe mô tô ra về thì C và T1 đứng chặn ngoài cửa, T đi vào trong nhà để kiểm tra. Thấy vậy các đối tượng chạy vào trong nhà; T, C và T1 yêu cầu tất cả các đối tượng vào phòng khách để làm việc; các đối tượng đã khai nhận có 07 đối tượng tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền tại khu vực bếp nhà H2 gồm "H2, H, H6, H1, H3, Hiệp, H5". T yêu cầu các đối tượng đi xuống khu vực bếp

ngồi lại đúng vị trí vừa tham gia đánh bạc, bỏ tiền trong người ra để trước mặt, C trực tiếp kiểm đếm số tiền của từng người được tổng số tiền là 16.000.000 đồng và cho vào cặp đựng tài liệu của T1. T chỉ đạo C và T1 đưa giấy, bút để các đối tượng đánh bạc viết bản tự khai. Trong khi các đối tượng viết bản tự khai thì T gọi C và T1 ra khu vực hành lang giữa nhà và bếp trao đổi "Không bắt được quả tang, mặc dù chúng nó nhận đánh bạc nH1 khó xử lý, tha cho chúng nó". C và T1 đồng ý với chỉ đạo của T, rồi T1 đi vào trong bếp tiếp tục quản lý các đối tượng.

Sau đó T gọi H lên phòng khách và nói "Việc xảy ra tại nhà em, anh muốn giải quyết nhẹ nhàng tạo điều kiện cho" và yêu cầu mỗi người pH7 nộp 15.000.000 đồng; tiếp đó T gọi toàn bộ các đối tượng lên phòng khách và nói "Tôi đã tạo điều kiện cho mọi người rồi, mỗi người pH7 nộp 15.000.000 đồng, ai có tiền thì về trước, không thì chuyển H5 sơ xuống huyện xử lý". Tất cả các đối tượng đều xin giảm số tiền pH7 nộp và xin nộp vào lúc khác vì đang là đêm khuya không vay được tiền. T không đồng ý cho giảm tiền và chỉ định H1 đứng ra thu tiền và nộp cho T trước 14 giờ ngày hôm sau. H1 xin số tài khoản của T để chuyển khoản thì T yêu cầu pH7 đưa tiền mặt, rồi T chỉ đạo C và T1 cho các đối tượng đánh bạc về.

Trong lúc T, C, T1 đang chuẩn bị ra về thì bà H8 là mẹ đẻ của H đi đến đưa số tiền 15.000.000 đồng và nói là nộp cho vợ cH5ng H và H2. C đứng gần đó nói "Không được, nếu một suất pH7 hai mươi triệu, nếu không thì thôi". Mặc dù nghe C nói vậy, nH1 T vẫn cầm số tiền trên của bà H8 và bỏ vào túi quần của T đang mặc. Sau đó T, C và T1 đi về trụ sở Công an xã A, tại đây T1 mở cặp lấy số tiền 16.000.000 đồng và các bản tự khai của các đối tượng đưa cho T, T giữ lại số tiền 16.000.000 đồng và đưa các bản tự khai cho C quản lý.

Khoảng 30 phút sau H1 quay lại nhà H2 thì gặp H2 và H đang ngồi nói chuyện với H6 và H7 (là đối tượng có tham gia đánh bạc nH1 trốn dưới gầm giường nhà H2 nên không bị phát hiện). Qua trao đổi những người trên thống nhất tổng số tiền mà T yêu cầu pH7 đưa là 105.000.000 đồng sẽ chia đều cho 08 người (tính thêm cả H7) thì mỗi người pH7 nộp 13.125.000 đồng.

Sáng ngày 23/02/2023 các đối tượng gồm "H6, H5, H7, Hiệp, H3" đã chuyển khoản và đưa tiền mặt của mỗi người là 13.130.000 đồng cho H1; H thông báo về việc vợ cH5ng H và H2 đã đưa tiền cho T vào tối hôm trước. H1 rút số tiền 50.000.000 đồng trong tài khoản gộp với số tiền có sẵn là 25.000.000 đồng, tổng cộng là 75.000.000 đồng. Khoảng 14 giờ cùng ngày T gọi điện thoại cho H1 và hẹn gặp tại khu vực gần cổng Công ty TNHH kính nổi CFG thuộc địa phận xã K. T một mình lái xe ô tô biển kiểm soát 35C-122.60 đến gặp H1, H1 ngồi lên xe ô tô ở ghế sau, T hỏi đã thu đủ tiền của mọi người chưa, H1 nói H trao đổi đã nộp 15.000.000 đồng rồi, còn lại của 05 người tổng số là 75.000.000 đồng. Khi nghe H1 nói vậy T không đồng ý và nói "còn một thằng nữa bỏ chạy, bảo nó nộp 15.000.000 đồng ra đây để đủ 90.000.000". H1 gọi điện thoại cho H và bật loa ngoài lên để T và H nói chuyện, T yêu cầu H nộp thêm 15.000.000 đồng cho đối tượng đánh bạc bỏ trốn, nếu không sẽ đưa H5 sơ xuống huyện ngay trong buổi chiều. H xin T đến thứ 6 tuần sau sẽ làm thủ tục vay Ngân hàng nộp tiếp thì T đồng ý, sau đó T nhận số tiền 75.000.000 đồng từ H1, rồi lái xe ô tô đi về trụ sở Công an xã A. Khoảng 16 giờ 30 ngày 23/02/2023 T gọi C và T1 vào phòng làm

việc, thông báo tổng số tiền thu được của các đối tượng đánh bạc là 106.000.000 đồng, T chia cho C 36.000.000 đồng, chia cho T1 34.000.000 đồng, giữ lại 36.000.000 đồng rồi chỉ đạo C hủy các bản tự khai của các đối tượng đánh bạc và C đã đốt toàn bộ các bản tự khai trên.

Khoảng 20 ngày sau, nghe có thông tin dư luận xã hội phản ánh về sự việc phát hiện, xử lý vụ việc đánh bạc tại nhà H2; T, C và T1 trao đổi thống nhất trả lại số tiền 106.000.000 đồng đã nhận của các đối tượng đánh bạc; C và T1 đã đưa lại cho T số tiền đã nhận. Ngày 25/3/2023 T thông qua bạn tên là H2, hẹn gặp H1 tại nhà H2; T đã trả lại cho H1 toàn bộ số tiền là 106.000.000 đồng. Sau đó H1 đã hoàn trả lại tiền cho các đối tượng đánh bạc.

Cáo trạng số 9043/CT-VKSTC-V6 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố các bị cáo T, C và T1 về tội "Nhận hối lộ" theo các điểm c, g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự đối với T và C, theo điểm c khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự đối với T1. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử H6 bố các bị cáo Vũ Ngọc T, Trần Mạnh C, Phan Thanh T1 phạm tội "Nhận hối lộ".

- Căn cứ các điểm c, g khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, u, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/6/2023.

- Căn cứ các điểm c, g khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Mạnh C từ 30 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/6/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thanh T1 từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày H6 án. Giao bị cáo Phan Thanh T1 cho UBND phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (là nơi bị cáo sinh sống, tạm trú) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo pH7 có trách nhiệm cùng với chính quyền trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo pH7 chấp hành hình phạt tù đã H6.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+) Đưa vào lưu trữ trong H5 sơ vụ án 01 phong bì niêm phong dán kín ghi chữ "USB do Đinh Thị H1 giao nộp" và 04 phong bì niêm phong của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, ghi số 2898/Kl-KTHS (trong đó: 01 phong bì chứa mẫu giám định ghi chữ "MGĐ", 03 phong bì chứa mẫu so sánh của Vũ Ngọc T, Đinh Thị H1, Đinh Thị H).

+) Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy

A03, số sêri R9YT70QHFQN của bị cáo Vũ Ngọc T; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại thuê bao số 0918.604.956 của bị cáo Vũ Ngọc T.

+) Trả lại cho bị cáo Trần Mạnh C 01 điện thoại di động Nokia Model: 1280, số seerri 351671054777779, lắp sim thuê bao 0973.228.277; trả lại cho bị cáo Phan Thanh T1 01 điện thoại di động Iphone 6, số máy MG482VN/A, lắp sim thuê bao 0967.045.113 nH1 tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+) Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.130.000 đồng đưa hối lộ của Bùi Xuân H5 giao nộp.

Tiền và vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y quản lý, theo Ủy nhiệm chi ngày 28/11/2023 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2023 giữa Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

+) Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan pH7 nộp lại số tiền đưa hối lộ để tịch thu nộp ngân sách nhà nước, gồm: Đoàn Doanh H6 pH7 nộp 13.130.000 đồng, Đinh Văn H7 pH7 nộp 13.130.000 đồng, Đinh Hữu H4pH7 nộp 13.130.000 đồng, Tạ Duy H3 pH7 nộp 13.130.000 đồng; Đinh Thị H1 pH7 nộp 13.125.000 đồng; Hoàng Năng H2 và Đinh Thị H pH7 liên đới nộp số tiền 15.000.000 đồng, theo phần Hoàng Năng H2 pH7 nộp 7.500.000 đồng, Đinh Thị H pH7 nộp 7.500.000 đồng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, buộc các bị cáo Vũ Ngọc T, Trần Mạnh C, Phan Thanh T1 mỗi bị cáo pH7 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà các bị cáo T, C và T1 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo đều trình bày rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H5 sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong H5 sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và số tiền đã nhận; nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 22/02/2023 Tổ công tác của Công an xã A gồm T là Trưởng Công an xã, C là Phó Trưởng Công an xã và T1 là Công an viên đi đến nhà H2 thôn Bùi, xã A để xử lý các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà H2. Sau khi thu giữ toàn bộ số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 16.000.000 đồng và trong lúc các đối tượng đánh bạc đang viết bản tự khai; T gọi C và T1 ra trao đổi với nội dung là tha cho các đối tượng đã tham gia đanh bạc thì C và T1 đồng ý. Sau đó T nói với các đối tượng là tạo điều kiện giải quyết nhẹ nhàng nên yêu cầu mỗi người pH7 nộp cho T 15.000.000 đồng. T đã nhận của bà H8 (nộp thay cho vợ cH5ng chị H và anh H2) là 15.000.000 đồng. Ngày 23/02/2023 H6, H5, H7,

H4và H3 mỗi người đã nộp và chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng cho H1 là 13.130.000 đồng, sau đó H1 đã rút tiền trong tài khoản của H1 cùng với số tiền của H1 và H1 đã đưa cho T với tổng số tiền là 75.000.000 đồng. Khoảng 16 giờ 30 ngày 23/02/2023 T gọi C và T1 vào phòng làm việc, thông báo tổng số tiền thu được của các đối tượng đánh bạc là 106.000.000 đồng, T chia cho C 36.000.000 đồng, chia cho T1 34.000.000 đồng, giữ lại 36.000.000 đồng.

Các bị cáo T, C và T1 đều là người có chức vụ, quyền hạn; là người được giao nhiệm vụ và do nhiệm vụ đó mà có, đang thực hiện công vụ nH1 đã trực tiếp nhận tiền của các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật là tham gia đánh bạc với tổng số tiền đã nhận là 106.000.000 đồng, để các bị cáo làm trái công vụ được giao. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Cơ quan Nhà nước; các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra. Hành vi nêu trên của các bị cáo T, C và T1 đã phạm vào tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, C trực tiếp đòi hối lộ nên còn phạm thêm vào điểm g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Điều 354. Tội nhận hối lộ.

……..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

…..

c) Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

g) Đòi hối lộ, sách nhiễu hoặc dùng thủ đoạn xảo quyệt.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố các bị cáo T, C, T1 về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo T là chủ mưu, trực tiếp đòi hối lộ và nhận hối lộ nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo C là đồng phạm giúp sức và đòi hối lộ nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo T1 giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tăng nặng: Các bị cáo T, C, T1 đều không có tình tiết tăng nặng.

Về giảm nhẹ:

- Bị cáo T "Tự nguyện khắc phục hậu quả là trả lại tiền nhận hối lộ; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã lập công chuộc tội có xác nhận của Phân trại tạm giam - Trại tạm giam T771 Cục điều tra hình sự Bộ Quốc phòng; có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng 02 Huy chương chiến sỹ vẻ vang, 02 Bằng khen, 15 giấy khen và 04 danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở; bị cáo có cả bố và mẹ của bị cáo đều có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang" theo quy định tại các điểm b, s, u, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo C "Tự nguyện khắc phục hậu quả là trả lại tiền nhận hối lộ; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng

thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Kỷ niệm chương và 02 giấy khen" theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T1 "Tự nguyện khắc phục hậu quả là trả lại tiền nhận hối lộ; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng Kỷ niệm chương và 02 giấy khen; bị cáo có bố có tham gia trong quân đội và có thành tích trong công tác được tặng thưởng Kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam và Huy hiệu thợ mỏ vẻ vang ngành than" theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng: Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để cải tạo giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung với loại tội phạm này.

Bị cáo T có 05 tình tiết giảm nhẹ; bị cáo T1 có 04 tình tiết giảm nhẹ; bị cáo C có 03 tình tiết giảm nhẹ. Sau khi thực hiện hành vi phạm tôi cả 03 bị cáo đều đã chủ động trả lại toàn bộ số tiền nhận hối lộ; trong quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T đã hợp tác tích cực với Cơ quan chức năng trong việc điều tra, xử lý tội phạm khác. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo T1 có nhân thân tốt, là cấp dưới của T và C; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; nên xét không cần pH7 bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T1 được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giáo sát, giáo dục bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm "01 phong bì chứa mẫu giám định ghi chữ "MGĐ", 01 phong bì chứa mẫu so sánh của T, 01 phong bì chứa mẫu so sánh của H1, 01 phong bì chứa mẫu so sánh của H, 01 USB do Đinh Thị H1 giao nộp, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03 bao số 0918.604.956 của T, 01 điện thoại di động Nokia Model 1280 lắp sim thuê bao 0973.228.277 của C, 01 điện thoại di động Iphone 6 lắp sim thuê bao 0967.045.113 của T1 và 13.130.000 đồng tiền đưa hối lộ của H5 giao nộp".

- Đối với vật chứng gồm "01 phong bì chứa mẫu giám định ghi chữ "MGĐ", 01 phong bì chứa mẫu so sánh của T, 01 phong bì chứa mẫu so sánh của H1, 01 phong bì chứa mẫu so sánh của H, 01 USB do Đinh Thị H1 giao nộp" đưa vào H5 sơ vụ án để lưu trữ.

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03 lắp sim thuê bao số 0918604956 của T; T sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước, riêng sim điện thoại thì tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia Model 1280 lắp sim thuê bao số 0973228277 của C, 01 điện thoại di động Iphone 6 lắp sim thuê bao số 0967045113 của T1; không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo C và T1.

- Đối với số tiền anh H5 giao nộp là 13.130.000 đồng, đây là tiền anh H5 sử dụng để đưa hối lộ nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền sử dụng để đưa hối lộ nH1 những người liên quan đã nhận lại gồm "Của H6 là 13.130.000 đồng, của H7 là 13.130.000 đồng, của H4là 13.130.000 đồng, của H3 là 13.130.000 đồng; của H1 là 13.125.000 đồng, của H2 là 7.500.000 đồng, của Hoà là 7.500.000 đồng". Buộc H6, H7, Hiệp, H3, H1, H2, Hoà pH7 nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 16.000.000 đồng của những người liên quan sử dụng để đánh bạc; các bị cáo đã hoàn lại cho chị H1; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền này là 16.000.000 đồng.

[6] Về hành vi của chị H1, bà H8, anh H5, anh H7, anh Hiệp, anh H6 đưa tiền hối lộ cho các bị cáo; nH1 do những người liên quan buộc pH7 đưa, nhận thức pháp luật còn hạn chế, T1 lý lo sợ bị xử lý hình sự, quá trình điều tra thành khẩn khai báo; những người liên quan đều đã bị xử lý về hành vi đánh bạc. Do đó Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao không xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người liên quan này là phù hợp với pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người liên quan, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo T, C và T1 đều bị kết án, nên các bị cáo đều pH7 chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. H6 bố các bị cáo Vũ Ngọc T, Trần Mạnh C, Phan Thanh T1 phạm tội "Nhận hối lộ".

2. Căn cứ các điểm c, g khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, u, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Ngọc T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/6/2023.

3. Căn cứ các điểm c, g khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Mạnh C 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/6/2023.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh T1 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo,

thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày H6 án 23/01/2024.

Giao bị cáo Phan Thanh T1 cho UBND phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; gia đình bị cáo T1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo pH7 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đưa vào trong H5 sơ vụ án để lưu trữ gồm: 01 phong bì niêm phong dán kín ghi chữ "USB do Đinh Thị H1 giao nộp"; 04 phong bì niêm phong của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an ghi số 2898/Kl-KTHS (trong đó: 01 phong bì chứa mẫu giám định ghi chữ "MGĐ", 03 phong bì chứa mẫu so sánh của Vũ Ngọc T, Đinh Thị H1, Đinh Thị H).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03, số sêri R9YT70QHFQN của bị cáo Vũ Ngọc T; riêng 01 sim điện thoại thuê bao số 0918604956 của bị cáo Vũ Ngọc T thì tịch thu tiêu huỷ.

- Trả lại cho bị cáo Trần Mạnh C 01 điện thoại di động Nokia Model: 1280, số seerri 35167054777779 lắp sim thuê bao 0973228277; trả lại cho bị cáo Phan Thanh T1 01 điện thoại di động Iphone 6, số máy MG482VN/A lắp sim thuê bao 0967045113; nH1 tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền của anh Bùi Xuân H5 giao nộp là 13.130.000 đồng (mười bà triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Toàn bộ số tiền đang trong tài khoản số 3949.0.1055132.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y, theo ủy nhiệm chi ngày 28/11/2023 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao. Toàn bộ vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2023 giữa Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

- Buộc anh Đoàn Doanh H6 pH7 nộp số tiền sử dụng để đưa hối lộ đã nhận lại là 13.130.000 đồng (mười ba triệu một trăm ba mười nghìn đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Đinh Văn H7 pH7 nộp số tiền sử dụng để đưa hối lộ đã nhận lại là 13.130.000 đồng (mười ba triệu một trăm ba mười nghìn đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Đinh Hữu H4pH7 nộp số tiền sử dụng để đưa hối lộ đã nhận lại là 13.130.000 đồng (mười ba triệu một trăm ba mười nghìn đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Tạ Duy H3 pH7 nộp số tiền sử dụng để đưa hối lộ đã nhận lại là 13.130.000 đồng (mười ba triệu một trăm ba mười nghìn đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc chị Đinh Thị H1 pH7 nộp số tiền sử dụng để đưa hối lộ đã nhận lại là 13.125.000 đồng (mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Hoàng Năng H2 pH7 nộp số tiền sử dụng để đưa hối lộ đã nhận lại là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc chị Đinh Thị H pH7 nộp số tiền sử dụng để đưa hối lộ đã nhận lại là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Ngọc T, Trần Mạnh C, Phan Thanh T1 mỗi bị cáo pH7 chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo T, C, T1 và người liên quan là chị H1 và chị Hoà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày H6 án. Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh H2, anh H3, anh Hiệp, anh H5, anh H6, anh H7, bà H8 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH7 thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND tối cao*
- *VKSND huyện Y*
- *Bị cáo,*
- *Người liên quan*
- *Chi cục THA*
- *Công an huyện Y*
- *Lưu H5 sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực